HÓA CÔ TRÂM

ÔN GIỮA KỲ 1 – HOÁ 10- Đề số 3 (P1).

Câu 1: Trong nguyên tử hạt nào vào điện tích dương?

A. Electron **B**. Nơtron

C. Proton **D**. Nơtron và Proton

Câu 2: Nguyên tử $^{39}_{19}K$ có:

A. 19p, 20n, 19e. **B**. 20p, 19n, 20e. **C**. 19p, 20n, 20e. **D**. 20p, 20n, 19e.

Câu 3: Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử có cùng:

A. số nơtron và proton. **B**. số nơtron.

C. số proton trong hạt nhân. **D**. số khối.

Câu 4: Kí hiệu nguyên tử biểu thị đầy đủ đặc trưng cho 1 nguyên tử của một nguyên tố hóa học vì nó cho biết?

A. Số khối. **A**. **B**. Số hiệu nguyên tử Z.

C. Nguyên tử khối của nguyên tử. **D**. Số khối A và số hiệu nguyên tử Z.

Câu 5: Số phân lớp tối đa trên lớp M là

A. 2 **B**. 18 **C**. 3 **D**. 8

Câu 6: Nguyên tử của nguyên tố X (Z = 13) có cấu hình electron là:

A. $1s^22s^22p^63s^2$ **B**. $1s^22s^22p^63s^13p^2$

C. $1s^22s^22p^63s^23p^1$ **D**. $1s^22s^22p^53s^23p^1$

Câu 7: Cấu hình electron của nguyên tử nguyên tố X là $1s^22s^22p^63s^2$. X thuộc loại nguyên tố.

A. s **B**. d **C**. f **D**. p

Câu 8: Nguyên tố X thuộc nhóm VI**A**. Số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử nguyên tố X là

A. 4 **B**. 5 **C**. 3 **D**. 6

Câu 9: Nguyên tử của nguyên tố hóa học trong cùng nhóm IIA có cùng:

A. Nguyên tử khối. **B**. Số lớp electron.

C. Cấu hình electron lớp ngoài cùng. **D**. Bán kính nguyên tử.

Câu 10: Trong một chu kì, theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân, tính kim loại

A. Tăng dần. **B**. Giảm dần. **C**. Không tăng, không giảm. **D**. Vừa tăng, vừa giảm.

Câu 11: Nguyên tố X thuộc chu kì 3 nhóm IV**A**. Cấu hình electron của nguyên tử X là.

A. $1s^22s^22p^53s^23p^1$. **B**. $1s^22s^22p^53s^23p^2$. **C**. $1s22s^22p^53s^23p^3$. **D**. $1s^22s^22p^53s^23p^4$.

Câu 12: Bán kính của nguyên tử Cl, F, Br, I được sắp xếp theo chiều giảm dần là

A. Br < I < Cl < F **B**. F < Cl < Br < I

C. Cl < F < Br < I **D**. I < Br < Cl < F

Câu 13: Dãy nguyên tố nào sau đây được sắp xếp theo chiều tăng dần độ âm điện?

A. Li, Na, C, O, F. **B**. Na, Li, F, C, O. **C**. Na, Li, C, O, F. **D**. Li, Na, F, C, O.

Câu 14: Chọn câu phát biểu **sai**?

1.Trong nguyên tử luôn có số proton bằng số electron bằng điện tích hạt nhân

2. Tổng số proton và số electron trong một hạt nhân gọi là số khối

3. Số khối A là khối lượng tuyệt đối của nguyên tử

LIVEWORKSHEETS

4. Đồng vị của cùng một nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số hạt proton nhưng khác nhau số hạt nơtron

A. 1,3. **B**. 2,3,4. **C**. 1, 2, 3. **D**. 1, 2.

Câu 15: Trong tự nhiên, oxi có 3 đồng vị là ^{16}O, ^{17}O, ^{18}O. Có bao nhiêu loại phân tử O_2?

A. 3. **B**. 6. **C**. 9. **D**. 12.

Câu 16: Nguyên tử của nguyên tố X có tổng các hạt cơ bản là 52, trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 1. Số proton trong nguyên tử X là

A. 17 **B**. 18 **C**. 19 **D**. 16

Câu 17: X và Y là hai nguyên tố thuộc cùng một chu kỳ, hai nhóm A liên tiếp. Số proton của nguyên tử Y nhiều hơn số proton của nguyên tử X. Tổng số hạt proton trong nguyên tử X và Y là 33. Nhận xét nào sau đây về X, Y là đúng?

A. Đơn chất X là chất khí ở điều kiện thường.

B. Độ âm điện của X lớn hơn độ âm điện của Y.

C. Lớp ngoài cùng của nguyên tử Y (ở trạng thái cơ bản) có 5 electron.

D. Phân lớp ngoài cùng của nguyên tử X (ở trạng thái cơ bản) có 4 electron.

Câu 18: Trong tự nhiên, đồng có 2 đồng vị ^{63}Cu và ^{65}Cu, trong đó đồng vị ^{65}Cu chiếm khoảng 27% về số nguyên tử. Phần trăm khối lượng của ^{63}Cu trong $CuCl_2$

A. 34,32% **B**. 34,18% **C**.73,00% **D**. 13,04%

Câu 19: Cho 1,2 gam Mg vào dung dịch HCl dư. Tính thể tích khí H_2 (đktc) thu được sau phản ứng

A. 2,24 **B**. 4,48 **C**. 3,36 **D**. 1,12

Câu 20: Hợp chất khí của nguyên tố R với hidro có công thức hóa học RH_4. Trong oxit mà R có hóa trị cao nhất, R chiếm 46,67% về khối lượng. Nguyên tố R thuộc chu kì

A. 2 **B**. 3 **C**. 4 **D**. 5

LIVEWORKSHEETS